

GHI NHẬN MỚI LOÀI *LASIANTHUS CAMBODIANUS* PIT. THUỘC HỌ CÀ PHÊ (RUBIACEAE JUSS.) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

Hà Thị Dung¹, Vũ Anh Thương¹,
Trần Thế Bách^{1,2}, Bùi Thu Hà³

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Học viện Khoa học và Công nghệ,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

³Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Lasianthus Jack là một chi lớn thuộc họ Cà Phê (Rubiaceae Juss.). Trên thế giới, chi này có 184 loài, tập trung chủ yếu ở vùng nhiệt đới châu Á có 160 loài, châu Phi có 20 loài, 3 loài ở Châu Mỹ và chỉ có một 1 loài ở Úc (Zhu H., C. M. Taylor, 2011). Pitard (1924) đã ghi nhận 37 loài thuộc chi *Lasianthus* ở Đông Dương. Theo Hà Thị Dung và cs. (2016) chi này có 41 loài, 2 phân loài ở Việt Nam. Đặng Văn Sơn và cs. (2016) công bố mới loài *Lasianthus honbaensis* ở Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu các mẫu vật thuộc chi *Lasianthus* được lưu giữ tại phòng tiêu bản thực vật (HN), của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, chúng tôi phát hiện loài *Lasianthus cambodianus* có phân bố ở Việt Nam. Loài này trước đây được ghi nhận chỉ có ở Campuchia. Các mẫu vật thuộc loài này được thu tại Đắc Gle (Kon Tum) và Phú Lộc (Thừa Thiên-Huế) và hiện được lưu giữ tại Phòng tiêu bản thực vật (HN) của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Đây là loài mới bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam. Ngoài ra còn khẳng định 1 phân loài (*L. japonicus subsp. longicaudus*) có phân bố ở Việt Nam. Vậy chi *Lasianthus* ở Việt Nam hiện có 43 loài, 3 phân loài.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các đại diện của chi Xú hương (*Lasianthus* Jack) ở Việt Nam, trên cơ sở các mẫu nghiên cứu thu thập được trong các cuộc điều tra thực địa và các mẫu được lưu giữ tại các phòng tiêu bản trong và ngoài nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi đã áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái để phân loại. Đây là phương pháp phổ biến nhất trong nghiên cứu phân loại thực vật từ trước đến nay và phù hợp với điều kiện nghiên cứu ở nước ta, đảm bảo khoa học chính xác. Dựa vào đặc điểm hình thái của các cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản để so sánh, trong đó chủ yếu dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản vì đây là cơ quan ít biến đổi và ít chịu tác động của các điều kiện môi trường bên ngoài.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau khi nghiên cứu các đặc điểm hình thái của các loài thuộc chi Xú hương ở Việt Nam chúng tôi đã xây dựng khóa định loại lưỡng phân cho 22 loài, 3 phân loài thuộc nhánh Xú hương (*Lasianthus* Jack sect. *Lasianthus*), mô tả loài *Lasianthus cambodianus* Pit. – một ghi nhận mới cho hệ thực vật Việt Nam.

1. Khóa định loại các loài thuộc nhánh Xú hương ở Việt Nam

1A. Cụm hoa không cuống hoặc có cuống rất ngắn (cuống < 1 mm)

- 2A. Lá có gốc bất xứng (lệch gốc)
- 3A. Lá bắc dài 2-3 cm, hình trứng-mác, giống hình lá 1. *L. cyanocarpus*
- 3B. Lá bắc dài 0,6-1,7 cm, hình dùi - mác, không giống hình lá 2. *L. attenuatus*
- 2B. Lá có gốc cân xứng (không lệch gốc).
- 4A. Mặt dưới lá nhẵn hoặc gần nhẵn.
- 5A. Phiến lá dài hơn hay bằng 18 cm, gân bên 15-17 cặp..... 3. *L. cambodianus*
- 5B. Phiến lá ngắn hơn 18 cm, gân bên dưới 10 cặp.
- 6A. Gân nổi rõ cả hai mặt của lá.
- 7A. Gân bên 7-8 cặp; lá bắc hình sợi dài 4-6 mm... 4. *L. elevatineurus*
- 7B. Gân bên 4-5 cặp; lá bắc hình tam giác tới gần hình trứng, dài 2-3 mm
..... 5. *L. yaharae*
- 6B. Gân nổi rõ ở mặt dưới lá.
- 8A. Tràng dài 5,5 mm, lá kèm có lông... 6. *L. dalatensis*
- 8B. Tràng dài 10 mm, lá kèm không lông..... 7. *L. inodorus*
- 4B. Mặt dưới lá có nhiều lông (lông dày).
- 9A. Lá bắc giống hình lá..... 8. *L. hirsutus*
- 9B. Lá bắc không giống hình lá.
- 10A. Có 1 dạng lá bắc.
- 11A. Thùy dài 4.
- 12A. Tràng dài ≤ 4 mm..... 9. *L. wrayii*
- 12B. Tràng dài $\geq 6,5$ mm.
- 13A. Vòi nhụy dài 8 mm, lá kèm dài 2-3 mm..... 10. *L. lecomtei*
- 13B. Vòi nhụy dài 3-4 mm, lá kèm dài 4-5 mm..... 11. *L. schmidtii*
- 11B. Thùy dài 5-6.
- 14A. Bầu 5 ô..... 12. *L. sikkimensis*
- 14B. Bầu 6 ô.
- 15A. Lá kèm dài 4-5 mm, lá bắc dài 3-6 mm..... 13. *L. annamicus*
- 15B. Lá kèm dài 15-17 mm, lá bắc dài 10-20 mm.. 14. *L. eberhardtii*
- 10B. Có 2 dạng lá bắc.
- 16A. Quả có lông thưa..... 15. *L. chrysoneurus*
- 16B. Quả có lông dày..... 16. *L. obscurus*
- 1B. Cụm hoa có cuống (cuống cụm hoa ≥ 1 mm).
- 17A. Lá kèm dài 14-18 mm... 17. *L. harmandianus*
- 17B. Lá kèm dài < 10 mm.
- 18A. Cuống cụm hoa dài 2,5-4 cm... 18. *L. capitatus* subsp. *Vietnamensis*
- 18B. Cuống cụm hoa dài ≤ 2 cm.
- 19A. Lá bắc dài 9-17 mm. 19. *L. rhinocerotis* subsp. *Pedunculatus*
- 19B. Lá bắc dài ≤ 8 mm.
- 20A. Ống tràng dài 9-10 mm.
- 21A. Chóp lá có đuôi dài < 2 cm.. 20. *L. japonicus*
- 21B. Chóp lá có đuôi dài 2,5-3,5 cm. 20a. *L. japonicus* subsp. *Longicaudus*
- 20B. Ống tràng dài < 7 mm.

- 22A. Chiều dài lá ≤ 3 cm, rộng $\leq 1,2$ cm.....21. *L. biflorus*
 22B. Chiều dài lá ≥ 4 cm, rộng ≥ 2 cm.
 23A. Cuống lá dài 9-15 mm22. *L. foetidissimus*
 23B. Cuống lá dài < 7 mm.
 24A. Cuống cụm hoa dài 1-2 cm.....23. *L. filipes*
 24B. Cuống cụm hoa dài 2-7 mm.....24. *L. micranthus*
 *Loài chưa đủ thông tin phân loại:25. *Lasianthus longipedunculatus*

2. Mô tả

Lasianthus cambodianus Pit.- Xú hương campuchia

Pit. 1924. Fl. Gen. Indoch. 3:382; A. Naiki & et al. 2015. Acta phytotax. Geobot. 66(3): 157.

Cây bụi, cao 1-4 m; cành non có ít lông mịn; cành già tròn, mập, không lông. Phiến lá hình trứng - thuôn hoặc bầu dục - thuôn, cỡ 18-26 x 6-11 cm, mặt trên nhẵn; mặt dưới gần như nhẵn hoặc có ít lông thưa ở gân; gốc lá gần tròn hoặc tròn, chóp lá nhọn; gân bên 15-17 cặp, nổi rõ ở mặt dưới của lá. Cuống lá rất ngắn, mập, dài 1-3 mm, nhẵn. Lá kèm hình tam giác rộng hoặc hình trứng, đỉnh nhọn, dài 4-5 mm, mặt ngoài có lông thưa. Cụm hoa chụm ở nách lá, không có cuống. Lá bắc nhiều, hình sợi, bao tròn xung quanh cụm hoa, dài 6-9 mm, lông dày, dài. Hoa không cuống, màu trắng. Đài có lông dày; ống đài dài 2 mm; thùy đài 5, hình mác nhọn, dài 1mm. Thùy tràng 5, hình mác; có lông ở đỉnh thùy tràng; ống tràng nhẵn cả hai mặt trừ phần họng tràng có lông. Nhị 5, bao phấn hình bầu dục. Bầu 5 ô; vòi nhụy nhẵn; đầu nhụy 5, thùy ngắn.



Hình 1: *Lasianthus cambodianus* Pit.
cành mang lá

(hình Hà Thị Dung, 2016, vẽ theo mẫu H.P.Dung 05 (HN))
(người vẽ: Lê Kim Chi)

Loc. class.: Cambodia. **Typus:** J. B. L. Pierre, 1256 (Iso.: P).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 5. Mọc rải rác trong rừng, ở độ cao 1000-1250 m.

Phân bố: Thừa Thiên-Huế (Phú Lộc), Kon Tum (Đắk Gle). Còn có ở Campuchia.

Mẫu nghiên cứu: THỪA THIÊN-HUẾ, Hoàng Văn Định 25, H. P. Dung 05, HNNY 1260 (HN) - KON TUM, VH 1859 (HN).

Ghi chú: Loài này khác với các loài hiện biết trong chi Xú hương ở đặc điểm: cuống lá mập, kích thước lá lớn (26 x 11 cm), số gân nhiều (15-17 cặp), nhẵn hay gần như nhẵn ở cả hai mặt của lá; lá bắc nhiều, hình sợi, có lông dày và dài, bao tròn xung quanh cụm hoa.

III. KẾT LUẬN

Đã xây dựng khóa định loại lưỡng phân cho các loài thuộc nhánh Xú hương và mô tả đặc điểm hình thái của loài *Lasianthus cambodianus* Pit. ở Việt Nam, kèm theo thông tin về mẫu chuẩn, sinh học và sinh thái, phân bố, mẫu nghiên cứu, hình ảnh và hình vẽ của loài.

Loài *Lasianthus cambodianus* Pit. được khẳng định là loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam, phân bố ở Thừa Thiên Huế (Phú Lộc), Kon Tum (Đắk Gle). Các mẫu tiêu bản của loài này được bảo quản tại Phòng tiêu bản thực vật (HN) – Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong Đề tài mã số NAFOSTED 106.03-2017.08, dự án “Tiềm năng sinh học của nguyên liệu sinh học ở Việt Nam”, dự án “Hợp tác với Vườn thực vật New York”. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn họa sĩ Lê Kim Chi đã vẽ hình minh họa cho bài báo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hà Thị Dung và cộng sự**, 2016. Danh pháp các loài trong chi Xú hương (*Lasianthus* Jack) thuộc họ Cà Phê (*Rubiaceae* Juss.) ở Việt Nam. Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy sinh học ở Việt Nam. Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 2 Đà Nẵng. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. **Naiki A. & et al.** 2015. Flora of Bokor National Park, Cambodia II: Four New Species and Nine New Records of *Lasianthus* (*Rubiaceae*) from Cambodia, *Acta phytotax. Geobot.* 66(3): 156.
3. **Nguyễn Tiến Bản và cộng sự**, 2005. Danh lục các loài Thực vật Việt Nam 3: 116-121, Nxb. Nông nghiệp.
4. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000. Cây cỏ Việt Nam 3: 202-209, Nxb.Trẻ.
5. **Pitard in H. Lecomte, H. Humbert**, 1924. *Flore Generale de L' Indochine*, 3: 371-399.
6. **Son. D. V. & et al.**, 2016. *Lasianthus honbaensis* (*Rubiaceae*) a new species from Southern Vietnam, *Ann. Bot. Fennici*, 53: 263 – 266.
7. **Zhu H., C. M. Taylor**, 2011. *Flora of China*, 19: 185-198.

LASIANTHUS CAMBODIANUS PIT. (RUBIACEAE JUSS.) - A NEW RECORD FOR THE FLORA OF VIETNAM

**Ha Thi Dung, Vu Anh Thuong,
Tran The Bach, Bui Thu Ha**

SUMMARY

The genus *Lasianthus* comprises 184 species in the world and mainly distributed in tropical Asia (160 species), 20 species in Africa, 3 species in tropical America and 1 species in Australia. 42 species, 3 subspecies of the genus have been recorded in Vietnam. *Lasianthus cambodianus* Pit. has been recorded here as a new record to the flora of Vietnam and found in Thua Thien Hue (Phu Loc), Kon Tum (Dak Gle) of Vietnam as a new record for flora of

Vietnam. Detail information on the morphology, distribution and voucher specimens are provided here. Voucher specimens are preserved in the herbarium of the Institute of Ecology and Biological Resources, Hanoi, Vietnam (HN).



Hình 2: *Lasianthus cambodianus* Pit.

1-2. cành; 3. lá kèm; 4. cụm lá bắc; 5. lá bắc; 6. đài; 7. nụ hoa
(Ảnh: 1- 4, Bùi Hồng Quang, Bạch Mã, 2016; 5- 7: Hà Thị Dung, 2016,
chụp theo mẫu H. P. Dung 05 (HN))